

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÃX HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25A/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-10-2021

V/v “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÃX HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh T

2. Ông Nguyễn Vĩnh L

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2001/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kênh Văn Phòng, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Cường, xã Hậu Thạnh T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai chị Lê Thị Tuyết L trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 24/5/2016 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Long An. Từ khi cưới về chung sống với nhau thì đi làm lo cho gia đình, nhưng khoản 2 đến 3 tháng nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống nên không còn hạnh phúc, do đó chị về cha mẹ sinh sống đến nay. Hiện nay về tình cảm chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 08/4/2019 đang sống chung với chị L. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 80/2021/TB-TLVA ngày 20/4/2021 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải. Đến ngày 04/5/2021 Tòa án niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải ngày 18/5/2021, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đối với anh Nguyễn Văn T, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử xử, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ 27 tháng 9 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 15 tháng 10 năm 2021, nhưng anh T vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Tuyết L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 24/5/2016 tại UBND xã H, huyện T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay chị L xin ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân:

Sau khi kết hôn chị L và anh T đến Bình Dương đi làm công nhân, trong thời gian này hai bên sống hạnh phúc, đến tháng 09/2020 vợ chồng chị L về huyện T sống chung với gia đình cha mẹ chị L tại ấp Kênh Văn Phòng, xã H, huyện T thì phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống giữa chị L và anh T có bất đồng quan điểm sống với nhau, cũng như từ khi hai bên về T sống anh T không thích nghi được cuộc sống gia đình bên vợ, nên tháng 10/2020 anh T bỏ về quê của cha mẹ đến nay. Còn về mối quan hệ giữa chị L với mẹ chồng không được H thuận. Ngoài ra đối với anh T đã vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ và anh T không có văn bản hay ý kiến về việc chị L xin ly hôn. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị L với anh T không đạt được và cuộc sống chung của hai bên không thể kéo dài, tại phiên tòa chị L xin ly hôn anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

2.2 Về con chung: Chị L với anh T có 01 người con tên Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 08/4/2019, sau khi xảy ra mâu thuẫn tình cảm, chị L đưa con về quê sống chung cha mẹ ruột và cháu K hiện nay chưa tròn 3 tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 LHNGĐ năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”, nên tại phiên tòa chị L yêu cầu cháu K là có cơ sở.

Còn việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tại phiên chị L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết L.

1. Về tình cảm: Chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết L được quyền nuôi con chung Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 08/4/2019, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm mon con không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004757 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thành án phí, chị L đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng

